

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 23-9-2025
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Lương Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Bùi Tấn Dũng.
- Ông Nguyễn Tuấn Lam.

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Định - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987; Nơi cư trú: Ấp Phú Lợi B, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Hoài H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1986; Nơi cư trú: Ấp Phú Lợi B, xã Long Phú Thuận, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 7 năm 2025 và biên bản lấy lời khai ngày 15 tháng 8 năm 2025 của nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn Hoài H cưới nhau vào năm 2010, không nhớ ngày tháng, có đăng ký

kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PTB, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp nay là xã LPT, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do quen biết trước, sau khi cưới chị và anh H sống bên gia đình anh H sau đó đi làm ở nhiều nơi, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến tháng 5 năm 2025 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, chung sống không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, đánh chị, dùng cây kéo đâm chị nhưng bị trượt, chị có báo Công an nơi ở trọ nhưng nói không có gì nghiêm trọng nên không lập biên bản đối với hành vi của anh H, chị nhiều lần nhường nhịn nhưng anh H không chịu sửa đổi tính tình. Chị và anh H không còn sống chung từ tháng 5 tháng 2025 cho đến nay và vợ chồng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn Hoài H. Về nuôi con chung: Chị và anh H chung sống có 03 con chung, Nguyễn Hoài B, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2006, Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011 hiện sống cùng anh H và Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023 hiện đang sống cùng chị. Nay ly hôn, chị thống nhất giao con chung Hoài L cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Kim Q, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Hoài B đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn Hoài H đã được Tòa án triệu tập để hoà giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh từ chối không đến Tòa án để tham gia phiên hoà giải và xét xử.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ các Điều 9, 14, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Hoài H; Về con chung: Giao con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H chưa có văn bản trình bày yêu cầu của mình, nếu anh có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác; giao con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, về cấp dưỡng nuôi con, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu; Đối với cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2006 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được, chị T không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra để xem xét; Về tài sản, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện ly hôn, tranh chấp về nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Nguyên đơn chị Phạm Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn Hoài H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Hoài H là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Xét yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T đối với anh Nguyễn Văn Hoài H, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo trình bày của chị T thì cuộc sống của chị và anh H đã bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ tháng 5 năm 2025, chung sống không còn hạnh phúc nữa, nguyên nhân do anh H thường xuyên uống rượu, đánh chị, chị nhiều lần nhường nhịn nhưng anh H không chịu sửa đổi tính tình, chị và anh H đã không còn sống chung với nhau từ tháng 5 năm 2025 cho đến nay, trong thời gian không còn sống chung thì chị và anh H không có liên lạc gì với nhau. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của chị T và anh H hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho chị Phạm Thị T ly hôn với anh Nguyễn Văn Hoài H.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị Phạm Thị T đồng ý giao con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011 cho anh H tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con và chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi sinh ra cho đến hiện nay cháu L do anh Kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và cháu Q do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, vì vậy để ổn định cuộc sống của 02 cháu, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Kim Q, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không có yêu cầu và anh H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoài L, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh H chưa có yêu cầu, nếu anh H có yêu cầu thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác và cũng

phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Đối với cháu Nguyễn Hoài B, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2006 đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống được, chị T không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị T cho rằng không có, nên không yêu cầu giải quyết, còn anh Nguyễn Văn Hoài H không có văn bản trình bày ý kiến của mình, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập đến giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T. Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Hoài H.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Chị Phạm Thị T được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Kim Q, sinh ngày 23 tháng 02 năm 2023.

2.2. Anh Nguyễn Văn Hoài H được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con chung Nguyễn Hoài L, sinh ngày 07 tháng 7 năm 2011.

2.3. Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Văn Hoài H không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.4. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được trừ đi tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 0000560 ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị T không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12-Dồng Tháp;
- UBND xã LPT, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lương Bằng